

Bản án số: 11/2018/HS-ST

Ngày 19 - 4 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hà và bà Phan Thị Năm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vụ là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 2 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2018 và các Quyết định hoãn phiên tòa ngày 16-3-2018, ngày 29-3-2018 đối với bị cáo:

Hoàng Văn C, sinh năm: 1985, tại tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: H'Mông; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Seo L và bà Cư Thị C; có vợ là Lù T và 02 con; tiền án: Bản án số: 24/2011/HS-ST ngày 21-7-2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 06 năm tù về tội “*Mua bán người*” (ngày 30-8-2013 được đặc xá); bị bắt tạm giam từ ngày 31-10-2017 - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Huỳnh Đạt, Luật sư của Văn phòng Luật sư Hoài An thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

Các bị hại:

- Chị Sùng Thị S, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Chị Lý Thị X, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Anh Giàng A L, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- Anh Giàng Seo C (Vàng A C), sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 04-8-2014, chị Sùng Thị S trú tại: Thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đến cửa hàng tạp hóa của Hoàng Thị V tại Thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để mua hàng. Tại đây, S nói chuyện với V về hoàn cảnh cuộc sống gia đình khó khăn và kể chuyện có bạn ở cùng thôn lấy chồng ở Trung Quốc có cuộc sống sung sướng nên muốn đi theo. Thấy vậy, V nảy sinh ý định bán S sang Trung Quốc để thu lợi bất chính vì V có người cháu họ là Hoàng Văn C cư trú tại thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai có khả năng đưa người sang Trung Quốc. V nói với S *“chị thấy mấy người đi lấy chồng Trung Quốc sống sung sướng, em muốn đi thì chị đưa đi”*, S tin lời nên đồng ý. V đưa cho S 01 chiếc điện thoại di động có gắn sẵn sim để tiện liên lạc.

Sáng ngày 06-8-2014, Lý Thị X tới gặp V, trong khi trò chuyện, chị X nói với V hoàn cảnh gia đình khó khăn, hay bị chồng đánh đập, đồng thời tỏ ý muốn nhờ V đưa sang Trung Quốc cùng với S (do X và S là người cùng thôn, có quen biết nhau). Do đã có ý định từ trước nên V đồng ý đưa X đi cùng để giao cả X và S cho C đưa sang Trung Quốc bán lấy tiền. V gọi điện thoại cho S nhưng không liên lạc được nên V nói với X về tìm S rồi hẹn gặp nhau ở bến xe buýt tại xã Q, huyện Đ để đón xe ra thị xã G.

Khoảng 14 giờ cùng ngày V đến bến xe Q gặp X và S đang trên xe buýt, V lên xe đưa cho X 50.000 đồng để X và S mua vé xe buýt đi thị xã G, còn V đi cùng xe máy với chồng là Lý Seo C ra thị xã G học lớp đại học tại chức ra sau (V không nói cho chồng biết về việc đưa X và S bán sang Trung Quốc). Đến khoảng 16 giờ, tới thị xã G, V gọi điện cho người em họ tên K để xin số điện thoại của C. Tối cùng ngày, V sắp xếp để X và S nghỉ tại một nhà nghỉ gần bến xe thị xã G, còn V và chồng nghỉ tại một nhà nghỉ khác. Sau đó V gọi điện cho Hoàng Văn C bàn bạc việc bán X và S sang Trung Quốc, đồng thời thống nhất V đưa X và S ra Hà Nội, C đón rồi đưa lên Lào Cai bán sang Trung Quốc. C hỏi V *“Cô giao hai đứa cho cháu, cô lấy bao nhiêu”*, V trả lời *“Cháu cho cô bao nhiêu thì cho”*.

Khoảng 07 giờ ngày 07-8-2014, Hoàng Thị V nói chồng chở ra bến xe buýt để bắt xe về huyện Đ. Sau khi chồng chở tới bến xe buýt, V thuê xe ôm tới nhà nghỉ đón X và S rồi đón xe buýt đi lên thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng 11 giờ cùng ngày, tới thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, V thuê phòng trọ gần bến xe phía Bắc cho X và S ở lại, còn V quay về huyện Đ chuẩn bị tiền và hàng hóa để đi Hà Nội.

Sáng ngày 08-8-2014, V gửi tiền theo xe khách lên tỉnh Đắk Lắk cho X và S, tới trưa cùng ngày, X gọi điện thoại báo đã nhận được tiền. V sợ X và S có tiền sẽ tự đi nên chiều cùng ngày V bắt xe đi lên thành phố B và nghỉ lại ở phòng trọ cùng với X và S, để sáng hôm sau đi Hà Nội.

Đến sáng ngày 10-8-2014, khi xe dừng trả hàng gần bến xe G, thành phố Hà Nội, V thuê taxi cho X và S đến bến xe M. Trước khi đi, V lấy số điện thoại của S gọi cho C để C đón X và S, còn V tiếp tục lên xe đi tới bến xe G. Khi X và S tới bến xe M, được C cùng bạn gái tên L1 (hiện chưa xác định nhân thân lai lịch) đón xe đưa đến ga tàu rồi đi đến tỉnh Lào Cai. V sau khi tới bến xe G, gọi điện cho C, biết C đã đón được X và S nên V đi xe buýt sang bến xe M rồi bắt xe khách đi đến tỉnh Lào Cai.

Khoảng 05 giờ sáng ngày 11-8-2014, X nói muốn gặp V nên C hẹn V tại cổng bến xe khách tỉnh Lào Cai rồi đưa X tới gặp V. Sau khi V nói chuyện với X, C hẹn sáng ngày 12-8-2014 gặp nhau tại bến xe khách L để giao tiền bán X và S cho V. Sau đó, C cùng L1 đưa X và S theo đường tiểu ngạch sang Trung Quốc bán cho Hoàng P và em rể Hoàng P (không rõ nhân thân, lai lịch) lấy số tiền 4.000 nhân dân tệ tiền Trung Quốc (đổi được 14.000.000 đồng tiền Việt Nam). Sau khi mua được X và S, Hoàng P đã bán X cho Xì Xóng Z người Trung Quốc.

Sáng ngày 12-8-2014, C gọi điện hẹn gặp V tại quán nước trước cổng bến xe khách L để giao tiền. C hỏi “*Cô lấy bao nhiêu*”, V trả lời “*Cô chỉ lấy 12 triệu*”. C đưa cho V một xấp tiền Trung Quốc, V nói C đi đổi sang tiền Việt Nam, C đi đổi rồi quay lại đưa cho V 12.000.000 đồng; V nhận tiền rồi quay về nhà tại huyện Đ. Đến ngày 13-10-2014, Sùng Thị S từ Trung Quốc trốn về Việt Nam và đến Công an huyện Đắk G’long tố cáo hành vi của Hoàng Thị V.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Hoàng Văn C đã bỏ trốn và bị bắt vào ngày 31-10-2017 theo Quyết định truy nã số 01 ngày 04-02-2015 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông. Đối với Hoàng Thị V đã bị xét xử theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2015/HS-ST, ngày 02-6-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Cáo trạng số: 11/CTr-VKS(P1) ngày 08-02-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố Hoàng Văn C về tội “*Mua bán người*” quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn C thừa nhận hành vi như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông sau khi trình bày luận tội đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn C về tội “*Mua bán người*” theo quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng các điểm đ, e khoản 2 Điều 119 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm đ, e khoản 2

Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Hoàng Văn C từ 08 đến 09 năm tù. Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Về biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo Hoàng Văn C thu lợi bất chính sung vào ngân sách nhà nước.

Luật sư trình bày luận cứ bào chữa: Cáo trạng số 11/CTr-VKS(P1) ngày 08-02-2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Hoàng Văn C về tội “*Mua bán người*” quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức có phần hạn chế, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi 02 con nhỏ; mặc khác trong vụ án này bị cáo Hoàng Văn C là người có vai trò thứ yếu nên cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt thấp hơn Hoàng Thị V là người chủ mưu, cầm đầu, hưởng lợi nhiều hơn từ việc mua bán người mới phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 7; điểm đ, e khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo mức án thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận bổ sung chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Lợi dụng sự thiếu hiểu biết của chị Sùng Thị S, chị Lý Thị X và sự quản lý chưa chặt chẽ của lực lượng chức năng đối với đường tiểu ngạch giáp ranh giữa huyện M, tỉnh Lào Cai với Trung Quốc nên ngày 11-8-2014 Hoàng Văn C đã cấu kết với Hoàng Thị V đưa chị S và chị X vượt biên trái phép và bán cho người Trung Quốc để lấy làm vợ nhằm thu lợi bất C với số tiền 14.000.000 đồng, trong đó V được hưởng

12.000.000 đồng, C được hưởng 2.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của Hoàng Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán người*” với các tình tiết định khung “*Để đưa ra nước ngoài*” và “*Đối với nhiều người*” theo quy định tại các điểm đ, e khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử sơ thẩm, tội “*Mua bán người*” theo Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) có sự thay đổi theo hướng có lợi cho người phạm tội. Theo đó, mức hình phạt của loại tội phạm này có khung hình phạt nhẹ hơn so với quy định tại Điều 119 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, có căn cứ để áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 7; Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo C khi quyết định hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Điều 119 của Bộ luật hình sự năm 1999:

1. *Người nào mua bán người thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.*
2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm:*

đ) *Để đưa ra nước ngoài;*

e) *Đối với nhiều người;*

Điều 150 của Bộ luật hình sự năm 2015:

1. *Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc bằng thủ đoạn khác thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:*
2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm:*

đ) *Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

e) *Đối với từ 02 đến 05 người;*

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo cho thấy: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; bản thân bị cáo đã bị kết án về tội “*Mua bán người*” chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội “*Mua bán người*”.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” theo điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[4]. Hình phạt bổ sung: Xét thấy cần áp dụng khoản 3 Điều 119 của Bộ luật Hình sự phạt bổ sung 5.000.000 đồng đối với bị cáo Hoàng Văn C sung vào ngân sách nhà nước.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2015/HS-ST, ngày 02-6-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông nên không đề cập giải quyết.

[6]. **Biện pháp tư pháp:** Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999: Truy thu số tiền 2.000.000 đồng do Hoàng Văn C thu lợi bất chính sung vào ngân sách nhà nước.

[7]. **Về án phí:** Bị cáo Hoàng Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn C phạm tội “*Mua bán người*”.

1.1. Áp dụng điểm e, đ khoản 2 Điều 119; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm đ, e khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Hoàng Văn C 08 (*Tám*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 31-10-2017.

1.2. Áp dụng khoản 3 Điều 119 của Bộ luật hình sự năm 1999, phạt bổ sung đối với bị cáo Hoàng Văn C số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) sung vào ngân sách nhà nước.

2. Biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999: Truy thu số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) do Hoàng Văn C thu lợi bất C sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Hoàng Văn C phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS - CA tỉnh Đắk Nông;
- CQ. CSĐT - CA tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Quốc Hương